

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 03 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoa

2. Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Thế N - sinh năm 1990 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thế M (sinh năm 1964); Con bà Cao Thị H (sinh năm 1966); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: Ngày 28/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 14/9/2021; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/01/2020 bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Ngày 14/10/2022 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2022; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lê Thành K – sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn I, xã A, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn S, xã A, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Tấn V – sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Lê Văn M – sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thế N đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản và chưa được xóa án tích. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 01 tháng 5 năm 2022, N cùng Lê Tấn V đi xe mô tô biển số 79V1-112.55 từ huyện V đến thị xã N nhằm mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, khi đến thôn I, xã A, thị xã N, N và V thấy 03 cuộn lưới B40 đã qua sử dụng của ông Lê Thành K để tại bãi đất trống không có người trông coi nên cùng nhau lén lút đến dùng tay khiêng lên xe mô tô, sau đó N ngồi sau ôm lưới để V điều khiển xe chở đến tiệm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị H ở thôn L, xã T, thị xã N, bà H không biết 03 cuộn lưới B40 là tài sản do trộm cắp mà có nên mua với giá 1.370.000 đồng. Trong lúc N cùng bà H đem số lưới B40 vào tiệm thì bị ông Lê Thành K phát hiện tri hô người dân đến bắt giữ, còn V cầm số tiền bán lưới điều khiển xe mô tô bỏ chạy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 03/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N kết luận 03 cuộn thép B40 (cũ) trọng lượng 125kg, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 01/5/2022 trị giá 1.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 03 cuộn lưới thép B40 (cũ) và 01 xe mô tô biển số 79V1-112.55, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKS-HS ngày 23/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Phạm Thế N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N vẫn giữ nguyên về điều luật và tội danh của bị cáo N như bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thế N từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam 11/9/2022. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp mức án 02 năm tù của Bản án số 74 ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Thành K vắng mặt nhưng đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng vụ án: 03 cuộn lưới thép B40 (cũ) và 01 xe mô tô biển số 79V1-112.55 đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, bị hại ông Lê Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn V, Lê Thành Mi vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ; sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thế N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố, thể hiện: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01 tháng 5 năm 2022 tại thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã N, Phạm Thế N đã có hành vi trộm cắp tài sản là 03 cuộn lưới B40 cũ của ông Lê Thành K có giá trị là 1.000.000 đồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Thế N phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân. Bị cáo có nhân thân xấu và có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mới có đủ tác dụng, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là

những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Lê Thành K vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành M, bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án thể hiện không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Xét thấy số tiền 1.370.000 đồng do Lê Tấn V thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên buộc Lê Tấn V phải nộp thu vào ngân sách nhà nước.

[8] Về vật chứng vụ án: 03 cuộn lưới thép B40 (cũ) và 01 xe mô tô biển số 79V1-112.55 đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Thế N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thế N 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù theo bản án số 74/2022/HS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam 11/9/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Lê Tấn V nộp số tiền 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) vào Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Thế N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đặng Thị Ái Vy